

## **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:**

- Tên dự án/ dự toán mua sắm: Dự toán khối lượng dịch vụ công ích năm 2026 trên địa bàn phường Hòa Thuận và Phương án quét, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường Hòa Thuận giai đoạn 2026-2028;

- Địa điểm thực hiện: phường Hòa Thuận, tỉnh Vĩnh Long;

- Tên chủ đầu tư: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hòa Thuận;

- Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước và Nguồn thu giá dịch vụ;

- Thời gian thực hiện: năm 2026 – năm 2028;

- Tên gói thầu: Gói thầu số 12: Quét, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường Hòa Thuận giai đoạn 2026 - 2028;

- Nội dung công việc gói thầu: Quét, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phường Hòa Thuận giai đoạn 2026 – 2028;

- Địa điểm thực hiện: trên địa bàn phường Hòa Thuận, tỉnh Vĩnh Long;

- Thời gian thực hiện gói thầu: 36 tháng;

- Giá gói thầu được duyệt: 41.023.589.734 VND. Trong đó:

+ Ngân sách cấp bù: 34.029.671.734 VND;

+ Nguồn thu giá dịch vụ: 6.993.918.000 VND

- Nguồn vốn: Ngân sách phường Hòa Thuận (Nguồn chi hoạt động môi trường) và nguồn thu giá dịch vụ;

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

### **2. Mục tiêu công việc:**

#### **2.1. Mục tiêu tổng quát**

- Đảm bảo  $\geq 80\%$  hộ dân tham gia dịch vụ thu gom.

- Đảm bảo điểm tập kết đạt chuẩn vệ sinh; đảm bảo các tuyến đường liên xã, Quốc lộ, đường tỉnh đều được thu gom.

- Tai nạn lao động và sự cố môi trường liên quan thu gom – vận chuyển: 0 vụ nghiêm trọng.

#### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

- Tăng cường năng lực quản lý tổng hợp chất thải rắn, thực hiện đồng thời các giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác lưu giữ, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn; thúc đẩy phân loại chất thải rắn tại nguồn với phòng ngừa và giảm thiểu phát sinh chất thải rắn trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và dịch

vụ; đẩy mạnh xã hội hóa và thu hút đầu tư từ khu vực tư nhân trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Chủ động phòng ngừa, kiểm soát, hạn chế, giảm thiểu tối đa lượng chất thải rắn phát sinh, góp phần bảo vệ sức khỏe con người, môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

- Xây dựng hệ thống quản lý chất thải rắn theo các nguyên tắc: CTRSH phát sinh sẽ được phân loại, thu gom và vận chuyển về khu vực xử lý theo đúng quy định nhằm hạn chế và giảm thiểu đến mức thấp nhất việc gây ô nhiễm môi trường do rác thải gây ra.

- Khai thác tốt nguồn thu giá dịch vụ sử dụng và tính đúng, tính đủ chi phí thực hiện nhằm giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

- Quản lý chất thải rắn sinh hoạt phải từng bước hướng đến đảm bảo theo nguyên tắc: Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân được hưởng lợi có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho hoạt động này; đối tượng gây ô nhiễm, suy thoái môi trường phải chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lý và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

- Quy định cụ thể chức năng và nhiệm vụ cho từng đơn vị/tập thể thực hiện.

### **3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:**

#### **3.1. Hiện trạng quản lý CTRSH trên địa bàn phường Hòa Thuận**

##### **3.1.1. Cơ chế, chính sách về quản lý CTR**

Trong giai đoạn 2015 đến 2024, Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn xã Hòa Thuận (thuộc huyện Châu Thành, Trà Vinh) thực hiện theo Phương án số 02/PA-UBND ngày 01/12/2015 của UBND huyện Châu Thành và được phê duyệt tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 16/12/2015 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành về việc phê duyệt Phương án thu gom rác thải sinh hoạt bằng xe ô tô chuyên dùng trên địa bàn huyện Châu Thành. Trong quá trình triển khai thực hiện, UBND huyện đã ban hành các Quyết định điều chỉnh, bổ sung Phương án như sau:

- Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND huyện Châu Thành về việc phê duyệt kết quả bổ sung nội dung Phương án thu gom rác sinh hoạt bằng xe ô tô chuyên dùng trên địa bàn huyện Châu Thành;

- Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND huyện Châu Thành về việc điều chỉnh Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND huyện Châu Thành;

- Quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND huyện Châu Thành về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND huyện Châu Thành;

- Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 của UBND huyện Châu Thành về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND huyện Châu Thành;

- Công văn số 6355/UBND-KT ngày 23/11/2022 của UBND huyện Châu Thành về việc chủ trương hỗ trợ kinh phí vận chuyển rác phát sinh từ việc đóng cửa

Bãi rác thị trấn Châu Thành phải vận chuyển về Bãi rác xã Hòa Lợi đối với HTX Xây dựng - Môi trường Trà Vinh (Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 01/12/2022);

- Công văn số 3614/UBND-KT ngày 21/8/2023 của UBND huyện Châu Thành về việc chủ trương sử dụng dự toán năm 2023 để thực hiện nhiệm vụ thu gom, vận chuyển rác thải, vun vén, chôn lấp và phun xịt hóa chất tại bãi rác xã Hòa Lợi.

Đối với khu vực Phường 5 (thuộc thành phố Trà Vinh, Trà Vinh), Phòng Tài nguyên và Môi trường (sau là Phòng Nông nghiệp và Môi trường) đã tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt Phương án quét, thu gom, vận chuyển CTRSH trên địa bàn thành phố Trà Vinh hàng năm, tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

### **3.1.2. Quy hoạch quản lý CTR**

Tính đến thời điểm hiện tại, việc quản lý CTRSH được thực hiện theo hình thức xã hội hóa, cụ thể các đơn vị có đủ chức năng và năng lực đầu thầu tham gia thực hiện, theo đó các đơn vị này sẽ tổ chức thu giá dịch vụ các hộ dân, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ quan,... và định kỳ báo cáo đến cơ quan chủ đầu tư trong suốt quá trình thực hiện. Cụ thể như sau:

- Trên địa bàn Phường 5 (thuộc thành phố Trà Vinh cũ):

○ Công tác quét, thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và thu giá dịch vụ do Công ty Cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh thực hiện theo hợp đồng đã ký kết với Phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố Trà Vinh. Sau ngày 01/7/2025, do UBND phường Trà Vinh tiếp tục kế thừa thực hiện.

○ Toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt trên địa bàn được vận chuyển về Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tỉnh Trà Vinh do Công ty TNHH Kỹ thuật công nghiệp năng lượng môi trường Việt Nam thực hiện xử lý (đốt) theo hợp đồng đã ký kết với Phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố Trà Vinh. Sau ngày 01/7/2025, do UBND phường Trà Vinh tiếp tục kế thừa thực hiện.

- Trên địa bàn xã Hòa Thuận (thuộc huyện Châu Thành cũ):

○ Công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và thu giá dịch vụ do Hợp tác xã Xây dựng Môi trường Trà Vinh thực hiện theo hợp đồng đã ký kết với Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Châu Thành. Sau ngày 01/7/2025, do UBND phường Hòa Thuận tiếp tục kế thừa thực hiện.

○ Toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt trên địa bàn được vận chuyển về tại Bãi rác xã Hòa Lợi do Hợp tác xã Xây dựng Môi trường Trà Vinh thực hiện xử lý (chôn lấp). Sau ngày 01/7/2025, toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt trên địa bàn được vận chuyển về Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tỉnh Trà Vinh do Công ty TNHH Kỹ thuật công nghiệp năng lượng môi trường Việt Nam thực hiện xử lý (đốt).

### **3.1.3. Thực trạng phát sinh, phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH**

Chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) trên địa bàn chủ yếu phát sinh tại hộ gia đình, công sở (cơ quan, trường học, ...); khu công cộng (công viên, khu vui chơi giải trí, đường ...). Trong những năm gần đây, khối lượng chất thải nhựa (CTN) phát sinh có xu hướng tăng. Sự gia tăng lượng CTN theo thời gian có liên quan đến xu thế phát triển kinh tế xã hội, nhu cầu và thói quen của người dân đối với tiêu dùng sản phẩm nhựa. Xu hướng sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, đặc biệt là dụng cụ ăn

uống và đựng thực phẩm đã gia tăng nhanh chóng<sup>1</sup>. Tỷ lệ chất thải bao bì, túi nilon trung bình tại bãi chôn lấp CTRSH chiếm khoảng từ 6 - 8%<sup>2</sup>.

Thành phần hữu cơ dễ phân hủy sinh học (thực phẩm thừa, rác vườn...) chiếm tỷ lệ lớn nhất (52% - 72%) với độ ẩm rất cao (70% - 85%), cùng với nhiệt độ cao là nguyên nhân chính gây nên mùi hôi thối, phát sinh nước rỉ rác, làm ô nhiễm môi trường (đất, nước mặt, nước ngầm) trên diện rộng, đặc biệt là tại bãi chôn lấp do CTRSH bị phân hủy trong điều kiện kỵ khí và dưới tác dụng của vi sinh vật. Ngoài ra thành phần hữu cơ dễ phân hủy sinh học là môi trường thuận lợi cho sự phát triển và lan truyền các loại côn trùng và động vật gây bệnh (ruồi, muỗi, bọ chét, chuột, gián...), gây ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng. Nếu không được quản lý hợp lý, tác động tiêu cực của CTRSH đối với môi trường, kinh tế xã hội và sức khỏe cộng đồng là không thể tránh khỏi<sup>3</sup>.

Việc phân loại rác tại hộ gia đình còn hạn chế, còn tình trạng người dân bỏ rác không đúng quy định. CTRSH sẽ là một nguồn gây ô nhiễm môi trường lớn nếu không có biện pháp quản lý hiệu quả. Rác thải sinh hoạt trên địa bàn được thu gom và vận chuyển về xử lý tại bãi rác xã Hòa Lợi (thuộc xã Hưng Mỹ, tỉnh Vĩnh Long). Riêng đối với khu vực phường 5 cũ được Công ty Cổ phần công trình đô thị Trà Vinh thu gom vận chuyển về Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt Trà Vinh để xử lý.

Hiện tại, tỷ lệ lớn chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn được thu gom, vận chuyển đến bãi chôn lấp để xử lý bằng hình thức chôn lấp lộ thiên. Việc phân loại CTRSH tại khu vực nông thôn chủ yếu được tiến hành tại hộ gia đình đối với một số loại chất thải như giấy, bìa carton, kim loại (để bán), chất thải thực phẩm (sử dụng cho chăn nuôi, ủ phân hữu cơ) để đáp ứng chỉ tiêu môi trường trong xây dựng nông thôn mới. Các thành phần khác hầu hết không được phân loại mà để lẫn, bao gồm các thành phần có khả năng phân hủy và khó phân hủy như túi nilon, thủy tinh, cành cây, lá cây, hoa quả, xác động vật chết... Việc phân loại đem lại hiệu quả chưa cao, mang tính riêng lẻ, không đồng bộ, chưa được nhân rộng. Hoạt động tái chế, tái sử dụng CTRSH chưa phổ biến, chủ yếu được thực hiện tại một số hộ gia đình và hoạt động tự phát tại bãi rác do đội ngũ thu nhặt phế liệu.

Nhìn chung, CTRSH chưa được phân loại ở các địa phương, hiện nay người dân chỉ chứa riêng những chất thải còn giá trị kinh tế để bán lại cho vựa ve chai mà không nhằm mục đích phân loại theo hình thức phân chia, tách các chất thải rắn (CTR) khó phân hủy sinh học ra khỏi CTR để phân hủy để giảm khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được chôn lấp khi khối lượng chất thải rắn sinh hoạt ngày càng tăng, diện tích cho chôn lấp bị hạn chế.

Ước tính lượng CTRSH phát sinh ở các đô thị tăng trung bình 10%-16% mỗi năm<sup>4</sup>. Căn cứ theo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nội dung Đề án tăng cường năng lực và hạ tầng kỹ thuật thực hiện quản lý chất thải rắn, Sở

---

<sup>1</sup> Nhà xuất bản Thanh niên. 2023. Báo cáo tình hình phát sinh chất thải nhựa năm 2022.

<sup>2</sup> Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tờ trình Đề án tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam, tháng 12 năm 2019.

<sup>3</sup> Bộ Tài nguyên và Môi trường. 2020. Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2019 Chuyên đề Quản lý Chất thải rắn sinh hoạt.

<sup>4</sup> Bộ Tài nguyên và Môi trường (2021). Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2020

Tài nguyên và Môi trường Trà Vinh, 2021 đã được phê duyệt, ước tính tỷ lệ tăng trung bình là 10%/năm.

Nhằm xác định khối lượng CTRSH phát sinh được thu gom trên địa bàn phường Hòa Thuận, Đơn vị tư vấn đã phối hợp cùng Hội đồng khảo sát khối lượng dịch vụ công ích phường Hòa Thuận tiến hành cân khối lượng CTRSH trên địa bàn phường 5 cũ và xã Hòa Thuận cũ.

- Khối lượng CTRSH phát sinh bình quân trung bình 01 ngày trên địa bàn phường 5 cũ là 14,19 tấn/ngày (tương đương 5.177,53 tấn/năm);
- Khối lượng CTRSH phát sinh bình quân trung bình 01 ngày trên địa bàn xã Hòa Thuận cũ là 7,2 tấn/ngày (tương đương 2.628,00 tấn/năm).

### **Dự báo khối lượng CTRSH phát sinh được thu gom trên địa bàn phường Hòa Thuận**

Qua khảo sát, thu thập số liệu về hiện trạng dân cư, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở trên địa bàn phường Hòa Thuận và các tuyến thu gom mới theo đề xuất của địa phương, đơn vị tư vấn tổng hợp khối lượng CTRSH phát sinh được thu gom được tổng hợp như sau:

*Bảng 1: Tổng hợp khối lượng CTRSH phát sinh được thu gom*

<b>Đơn vị hành chính</b>	<b>Khối lượng CTRSH phát sinh theo tuyến hiện hữu (tấn/ngày)</b>	<b>Khối lượng CTRSH phát sinh theo tuyến phát sinh mới (tấn/ngày)</b>
Phường Hòa Thuận	21,39	6,90
<b>Tổng cộng (tấn/năm)</b>	<b>7.805,525</b>	<b>2.518,500</b>

## **3.2. Giải pháp cải thiện công tác quản lý CTRSH trên địa bàn phường Hòa Thuận**

### **3.2.1. Giải pháp về cơ chế, chính sách và hoàn thiện quy định pháp luật**

#### **a. Công tác tuyên truyền, chỉ đạo, trách nhiệm của hệ thống chính trị**

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về công tác phân loại rác tại nguồn, phong trào chống rác thải nhựa, chấp hành nghiêm túc giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn (Theo Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 16/2/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh về Ban hành Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh).

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị, chính trị xã hội tại các thị trấn, xã; gắn trách nhiệm của người đứng đầu nếu xảy ra các tồn tại, vi phạm trong hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các xã, thị trấn.

#### **b. Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn**

Rà soát, bố trí, phân bổ thùng chứa rác thải sinh hoạt cho các thị trấn, xã, đáp ứng đầy đủ đảm bảo thực hiện tốt công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo vệ sinh môi trường. Nghiên cứu xây dựng các điểm tập kết rác thải đảm bảo thuận tiện cho nhân dân và xe thu gom rác trong quá trình hoạt động.

### **c. Bố trí nguồn lực tài chính thực hiện**

Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn về đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường và thu gom rác thải; tăng cường nguồn lực tài chính, tranh thủ các nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới,

Áp dụng Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 16/2/2022 về quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Hàng năm, bố trí phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.

### **d. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn**

Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền địa phương với các cơ quan, đoàn thể trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn.

Xử lý nghiêm túc kịp thời đối với các trường hợp thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải không đúng quy định, không chấp hành giá dịch vụ thu, gom vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn.

Tăng cường vai trò giám sát cộng đồng trong việc tổ chức thực hiện đối với các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp trên địa bàn, trong đó có việc giám sát việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải của đơn vị thực hiện hợp đồng.

### **3.2.2. Giải pháp về kỹ thuật và công nghệ**

Kêu gọi đầu tư, xây dựng các công trình, hệ thống xử lý CTRSH có công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, hiện đại như xử lý rác thải bằng công nghệ lò đốt, công nghệ sinh học,...

### **3.3. Xây dựng kế hoạch thực hiện quản lý CTRSH trên địa bàn phường Hòa Thuận**

#### **3.3.1. Kế hoạch quản lý CTRSH trên địa bàn phường Hòa Thuận**

##### **a. Phân loại CTRSH**

Hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt đưa ra nhận diện tối đa chủng loại CTRSH phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân theo 3 nhóm chất thải chính, trong đó:

Nhóm (1) CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế được nhận diện với 8 phân nhóm nhỏ gồm Giấy thải, Nhựa thải, Kim loại thải, Thủy tinh thải, Vải, đồ da, Đồ gỗ, Cao su, Thiết bị điện, điện tử thải bỏ.

Nhóm (2) Chất thải thực phẩm được nhận diện với 2 phân nhóm nhỏ gồm Thức ăn thừa, thực phẩm hết hạn sử dụng, Các loại rau, củ, quả, trái cây và các phần thải bỏ sau khi sơ chế, chế biến món ăn,...; Các sản phẩm bỏ đi từ thịt gia súc, gia cầm; thủy, hải sản.

Nhóm (3) CTRSH khác được nhận diện với 3 phân nhóm nhỏ gồm Chất thải nguy hại, Chất thải cống kênh và Chất thải khác còn lại.

Việc phân loại CTRSH thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật về phân loại CTRSH của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023 hoặc tài liệu hướng dẫn của địa phương.

##### **b. Quét, thu gom, vận chuyển CTRSH trên địa bàn phường Hòa Thuận**

###### **b.1. Tổng hợp khối lượng thực hiện giai đoạn 2026 – 2028**

Căn cứ theo nhu cầu của địa phương và điều kiện hạ tầng kỹ thuật giao thông của phường Hòa Thuận, các công tác quét, thu gom và vận chuyển trên địa bàn phường Hòa Thuận được tổng hợp như sau:

Bảng 2: Tổng hợp khối lượng thực hiện quét, thu gom, vận chuyển trên địa bàn phường Hòa Thuận giai đoạn 2026-2028

Stt	TÊN CÔNG TÁC	ĐVT	Khối lượng thực hiện			GHI CHÚ
			2026	2027	2028	
1	Thu gom thủ công đồng thời CTRSH từ hộ gia đình, cá nhân tại đường, phố đến điểm tập kết	1km	6.229,090	6.229,090	6.229,090	Bảng 1
2	Công tác quét, gom rác trên đường phố bằng thủ công, đô thị loại II	10.000m <sup>2</sup>	1.506,428	1.506,428	1.506,428	Bảng 2
3	Công tác quét, gom rác trên vỉa hè bằng thủ công, đô thị loại II	10.000m <sup>2</sup>	455,493	455,493	455,493	Bảng 3
4	Công tác quét, gom rác chợ bằng thủ công, đô thị loại II	10.000m <sup>2</sup>	15,549	15,549	15,549	Bảng 4
5	Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công, đô thị loại II	1km	14,112	14,112	14,112	Bảng 5
6	Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công, đô thị loại II (vét cát cầu, vỉa hè, lề đường bằng thủ công)	1km	64,152	64,152	64,152	Bảng 6 +7
7	Công tác tua vỉa hè, thu dọn phế thải ở gốc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch, đô thị loại II	1km	39,840	39,840	39,840	Bảng 8
8	Thu gom cơ giới chất thải thực phẩm từ hộ gia đình, cá nhân đến cơ sở tiếp nhận bằng xe ô tô tải thùng tải trọng $\leq 1,5$ tấn, cự ly (km) $20 < L \leq 25^5$	tấn	7.805,525	8.586,078	9.444,685	Bảng 9
9	Vận chuyển chất thải thực phẩm từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe cuốn ép tải trọng $\leq 5$ tấn, cự ly (km) $20 < L \leq 25^6$	1tấn	2.518,500	2.770,350	3.047,385	Bảng 10
10	Công tác vệ sinh thùng thu gom rác sinh hoạt	100 thùng	52,000	52,000	52,000	Bảng 11

<sup>5</sup> Xe thu gom di chuyển theo các tuyến đường thuộc các nhóm 1 đến nhóm 4, các nhóm Kỳ La, Xuân Thạnh, Đầu Bờ, Bích Trì, Đa Càn (các tuyến đường hạn chế tải trọng đối với xe >3,5tấn)

<sup>6</sup> Xe thu gom di chuyển theo các tuyến đường phát sinh mới thuộc các nhóm Vĩnh Lợi, Vĩnh Trường, Vĩnh Bảo, Rạch Kinh (các tuyến đường đảm bảo xe ép rác chuyên dụng di chuyển)

Stt	TÊN CÔNG TÁC	ĐVT	Khối lượng thực hiện			GHI CHÚ
			2026	2027	2028	
11	Công tác thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng tại các điểm tập kết bằng xe tải về bãi đổ, cự ly $L \leq 10$ km, trọng tải xe 2T	1tấn	30,000	30,000	30,000	Bảng 12
12	Công tác vớt rác trên mặt kênh mương bằng cơ giới, công suất 4 CV	10.000m <sup>2</sup>	121,950	121,950	121,950	Bảng 13
13	Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm chiều rộng $\geq 1,5$ m, đô thị loại II	1km	12.327,875	12.327,875	12.327,875	Bảng 14

*(Chi tiết khối lượng thực hiện tại Phụ lục đính kèm)*

Ghi chú:

*(1): Tỷ lệ gia tăng CTRSH hàng năm là 10% .*

*Các khối lượng thực hiện dự kiến năm 2027 – 2028 theo khối lượng tính toán của năm 2026 do khối lượng khảo sát đã dự báo các tuyến đường thực hiện đang xây dựng và dự kiến đưa vào hoạt động trong năm 2026.*

*Về khối lượng CTRSH được thu gom, vận chuyển; vệ sinh thùng chứa rác khi nghiệm thu sẽ theo đúng khối lượng thực tế được xác nhận (phiếu cân, xác nhận của địa phương hoặc cơ quan có thẩm quyền).*

**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG**  
**QUÉT, THU GOM, VẬN CHUYỂN CTRSH TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG HÒA THUẬN**

STT	TÊN CÔNG TÁC	ĐVT	Khối lượng	GHI CHÚ
1	Thu gom thủ công đồng thời CTRSH từ hộ gia đình, cá nhân tại đường, phố đến điểm tập kết	1km	18.687,270	Bảng 1
2	Công tác quét, gom rác trên đường phố bằng thủ công, đô thị loại II	10.000m <sup>2</sup>	4.519,284	Bảng 2
3	Công tác quét, gom rác trên vỉa hè bằng thủ công, đô thị loại II	10.000m <sup>2</sup>	1.366,479	Bảng 3
4	Công tác quét, gom rác chợ bằng thủ công, đô thị loại II	10.000m <sup>2</sup>	46,647	Bảng 4
5	Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công, đô thị loại II	1km	42,336	Bảng 5
6	Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công, đô thị loại II (vét cát cầu, vỉa hè, lề đường bằng thủ công)	1km	192,456	Bảng 6 +7
7	Công tác tua vỉa hè, thu dọn phế thải ở góc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch, đô thị loại II	1km	119,520	Bảng 8
8	Công tác vệ sinh thùng thu gom rác sinh hoạt	100 thùng	156,000	Bảng 9
9	Công tác thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng tại các điểm tập kết bằng xe tải về bãi đổ, cự ly L ≤ 10km, trọng tải xe 2T	1tấn	90,000	Bảng 10
10	Công tác vớt rác trên mặt kênh mương bằng cơ giới, công suất 4 CV	10.000m <sup>2</sup>	365,850	Bảng 11
11	Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm chiều rộng ≥ 1,5m, đô thị loại II	1km	36.983,625	Bảng 12
12	Thu gom cơ giới chất thải thực phẩm từ hộ gia đình, cá nhân đến cơ sở tiếp nhận bằng xe ô tô tải thùng tải trọng ≤ 1,5 tấn, cự ly (km) 20 < L ≤ 25	tấn	25.836,288	Bảng 13
13	Vận chuyển chất thải thực phẩm từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe cuốn ép tải trọng ≤ 5 tấn, cự ly (km) 20 < L ≤ 25	1tấn	8.336,235	Bảng 14

**BẢNG 1. DUY TRÌ VỆ SINH ĐƯỜNG PHỐ BAN NGÀY BẰNG THỦ CÔNG**

SỐ TT	TUYẾN ĐƯỜNG THỰC HIỆN			Chiều dài (m)	Nút giao		Chiều dài còn lại (m)	Số lần thực hiện (lần)	Khối lượng (m)	Ghi chú
	Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối		Lòng đường	Điểm giao				
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	$[8]=[5]-[7]*[6]$	[9]	$[10]=[8]*[9]$	[11]
1	Quốc lộ 53 (Hùng Vương nd)	Giáp ranh phường Trà Vinh	ĐH 10	1.000	8,0	5	960,0	365	350.400,0	
		ĐH 10	Giáp ranh xã Hưng Mỹ	1.500	8,0	2	1.484,0	365	541.660,0	
2	Nguyễn Thiện Thành	Cầu Long Bình 2	Trần Văn Giàu	415,0	6,0	2	403,0	365	147.095,0	
		Trần Văn Giàu	Giáp ranh xã Hưng Mỹ	475,0	6,0	1	469,0	365	171.185,0	
3	Trần Văn Giàu (D5)	Nguyễn Thiện Thành	Nhà hàng Cầu Tre	500,0	4,0	1	496,0	365	181.040,0	
		Nguyễn Thiện Thành	Hùng Vương	1.400,0	8,0	3	1.376,0	365	502.240,0	
4	Dương Quang Đông	Cầu LB2	Kênh đập Thạch	600,0	4,0	3	588,0	365	214.620,0	
		Cầu LB2	Cầu Long Bình 1	1.480,0	4,0	5	1.460,0	365	532.900,0	
		Cầu Long Bình 1	Cầu Long Bình 3	3.850,0	4,0	7	3.822,0	365	1.395.030,0	
		Cầu Long Bình 3	Cuối tuyến	450,0	4,0	2	442,0	365	161.330,0	
5	ĐH 10	QL 53	Chợ Hòa Thuận	120	8,0	1	112,0	365	40.880,0	

		Chợ Hòa Thuận	Cầu Long Bình 3	3.400	6,0	5	3.370,0	365	1.230.050,0	
6	Đường vào NMXLNT	Chợ Hòa Thuận	Nhà máy XLNT	2.100	4,0	4	2.084,0	365	760.660,0	
<b>Cộng</b>									<b>6.229.090,0</b>	
<b>KHỐI LƯỢNG TÍNH THEO (Km)/năm</b>									<b>6.229,090</b>	

**BẢNG 2. QUÉT GOM RÁC ĐƯỜNG PHỐ BẰNG THỦ CÔNG**

SỐ TT	Tuyến đường thực hiện			Chiều dài (m)	Nút giao		Chiều dài còn lại (m)	Chiều rộng quét đường mỗi bên (m)			Diện tích (m <sup>2</sup> )	Số lần thực hiện (lần)	Khối lượng thực hiện (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
	Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối		Lòng đường	Điểm giao		[9]	[10]	[11]=[9]+[10]				
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]=[5]-[7]*[6]	[9]	[10]	[11]=[9]+[10]	[12]=[8]*[11]	[13]	[14]=[12]*[13]	[15]
1	Quốc lộ 53 (Hùng Vương nd)	Giáp ranh phường Trà Vinh	ĐH 10	1.000	8,0	5	960,0	2,0	2,0	4,0	3.840,0	365	1.401.600,0	
		ĐH 10	Giáp ranh xã Hưng Mỹ	1.500	8,0	2	1.484,0	2,0	2,0	4,0	5.936,0	365	2.166.640,0	
2	Nguyễn Thiện Thành	Cầu Long Bình 2	Trần Văn Giàu	415,0	6,0	2	403,0	2,0	2,0	4,0	1.612,0	365	588.380,0	
		Trần Văn Giàu	Giáp ranh xã Hưng Mỹ	475,0	6,0	1	469,0	2,0	2,0	4,0	1.876,0	365	684.740,0	
3	Trần Văn Giàu (D5)	Nguyễn Thiện Thành	Nhà hàng Cầu Tre	500,0	4,0	1	496,0	2,0	2,0	4,0	1.984,0	365	724.160,0	
		Nguyễn Thiện Thành	Hùng Vương	1.400,0	8,0	3	1.376,0	2,0	2,0	4,0	5.504,0	365	2.008.960,0	
4	Dương Quang Đông	Cầu LB2	Kênh đập Thạch	600,0	4,0	3	588,0	1,5	1,5	3,0	1.764,0	365	643.860,0	
		Cầu LB2	Cầu Long Bình 1	1.480,0	4,0	5	1.460,0	1,5	1,5	3,0	4.380,0	365	1.598.700,0	
		Cầu Long Bình 1	Hẻm 57	1.350,0	8,0	5	1.310,0	1,5	1,5	3,0	3.930,0	365	1.434.450,0	

5	ĐH 10	QL 53	Chợ Hòa Thuận	120	8,0	1	112,0	1,5	1,5	3,0	336,0	365	122.640,0	
		Chợ Hòa Thuận	Cầu Long Bình 3	3.400	6,0	5	3.370,0	1,5	1,5	3,0	10.110,0	365	3.690.150,0	
<b>TỔNG CỘNG</b>												<b>15.064.280,0</b>		
<b>KHỐI LƯỢNG TÍNH THEO (10.000m<sup>2</sup>)/ năm</b>												<b>1.506,428</b>		

**BẢNG 3. QUÉT GOM RÁC VÀ HÈ BẰNG THỦ CÔNG**

Số TT	Tuyến đường thực hiện			Chiều dài (m)	Nút giao		Chiều dài còn lại (m)	Chiều rộng quét vỉa hè mỗi bên (m)			Diện tích vỉa hè (m <sup>2</sup> )	Trừ gốc cây (m <sup>2</sup> )		Trừ bồn hoa (m <sup>2</sup> )	Diện tích quét (m <sup>2</sup> )	Số lần thực hiện (lần)	Khối lượng thực hiện (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
	Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối		Lòng đường	Điểm giao		Số cây	Diện tích									
										[8]=[5]-[7]*[6]		[9]	[10]					
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]=[5]-[7]*[6]	[9]	[10]	[11]=[9]+[10]	[12]=[8]*[11]	[13]	[14]=[13]*2*2	[15]	[16]=[12]-[14]-[15]	[17]	[18]=[16]*[17]	[15]
1	Quốc lộ 53 (Hùng Vương nd)	Giáp ranh phường Trà Vinh	ĐH 10	1.000	8,0	5	960,0	2,0	2,0	4,0	3.840,0	15	60,0	70,0	3.710,0	365	1.354.150,0	
		ĐH 10	UBND phường Hòa Thuận	150	16,0	1	134,0	2,0	2,0	4,0	536,0	-	-	-	536,0	365	195.640,0	
2	Nguyễn Thiện Thành	Cầu Long Bình 2	Trần Văn Giàu	413,0	6,0	2	401,0	2,0	2,0	4,0	1.604,0	74	296,0	-	1.308,0	365	477.420,0	
		Trần Văn Giàu	Giáp ranh xã Hưng Mỹ	472,0	6,0	1	466,0	2,0	2,0	4,0	1.864,0	-	-	-	1.864,0	365	680.360,0	
3	Trần Văn Giàu (D5)	Nguyễn Thiện Thành	Hùng Vương	1.400,0	8,0	3	1.376,0	2,0	2,0	4,0	5.504,0	135	540,0	-	4.964,0	365	1.811.860,0	
4	ĐH 10	QL 53	Chợ Hòa Thuận	115	8,0	1	107,0	1,5	1,5	3,0	321,0	56	224,0	-	97,0	366	35.502,0	
<b>TỔNG CỘNG</b>																	<b>4.554.932,0</b>	
<b>KHỐI LƯỢNG TÍNH THEO (10.000m<sup>2</sup>)/ năm</b>																	<b>455,493</b>	

**BẢNG 4. QUÉT GOM RÁC CHỢ BẰNG THỦ CÔNG**

SỐ TT	Tên Chợ	Kích thước				Tần suất (lần/ngày)	Số lần thực hiện (lần)	Khối lượng thực hiện (m2)	Ghi chú
		Dài (m)	Rộng (m)	Số lượng	Diện tích (m2)				
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]= [5]*[3]*[4]	[7]	[8]	[9]= [6]*[7]*[8]	
<b>7</b>	<b>Chợ Hòa Thuận</b>				<b>213,000</b>	<b>2</b>	<b>365</b>	<b>155.490</b>	
	- Diện tích chợ			1	501,000				
	- Trừ diện tích sạp, ki ốt chiếm chỗ	2	2	-72	-288,000				
<b>TỔNG CỘNG</b>								<b>155.490</b>	
<b>KHỐI LƯỢNG TÍNH THEO (10.000m2)/ năm</b>								<b>15,549</b>	

**BẢNG 5. DUY TRÌ DÂY PHÂN CÁCH BẰNG THỦ CÔNG**

SỐ TT	TUYẾN ĐƯỜNG THỰC HIỆN			Chiều dài (m)	Nút giao		Chiều dài còn lại (m)	Số lần thực hiện (lần)	Khối lượng (m)	Ghi chú
	Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối		Lòng đường	Điểm giao				
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	$[8]=[5]-[7]*[6]$	[9]	$[10]=[8]*[9]$	[11]
1	Nguyễn Thiện Thành	Trường ĐH Trà Vinh	Trần Văn Giàu	300,0	6,00	1	294,00	12	3.528,0	
		Trần Văn Giàu	Trường ĐH Trà Vinh	300,0	6,00	1	294,00	12	3.528,0	
		Bệnh viện ĐH Trà Vinh	Trần Văn Giàu	300,0	6,00	1	294,00	12	3.528,0	
		Trần Văn Giàu	Bệnh viện ĐH Trà Vinh	300,0	6,00	1	294,00	12	3.528,0	
<b>Cộng</b>									<b>14.112,0</b>	
<b>KHỐI LƯỢNG TÍNH THEO (Km)/ năm</b>									<b>14,112</b>	

**BẢNG 6. VẾT CÁT LỀ ĐƯỜNG, VÍA HÈ BẰNG THỦ CÔNG**

SỐ TT	TUYẾN ĐƯỜNG THỰC HIỆN			Chiều dài (m)	Nút giao		Chiều dài còn lại (m)	Số lần thực hiện (lần)	Khối lượng (m)	Ghi chú
	Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối		Lòng đường	Điểm giao				
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]=[5]-[7]*[6]	[9]	[10]=[8]*[9]	[11]
1	Quốc lộ 53 (Hùng Vương nd)	Giáp ranh phường Trà Vinh	ĐH 10	1.000	8,0	5	960,00	12	11.520,0	
2	Dương Quang Đông	Cầu LB2	Cầu Long Bình 1	1.480,0	4,0	5	1.460,00	12	17.520,0	
		Cầu Long Bình 1	Hẻm 57	1.350,0	8,0	5	1.310,00	12	15.720,0	
3	Trần Văn Giàu (D5)	Nguyễn Thiện Thành	Hùng Vương	1.400,0	8,0	3	1.376,00	12	16.512,0	
<b>Cộng</b>									<b>61.272,0</b>	
<b>KHỐI LƯỢNG TÍNH THEO (Km)/ năm</b>									<b>61,272</b>	

**BẢNG 7. VẾT CÁT CÁC CẦU GIAO THÔNG BẰNG THỦ CÔNG**

<b>SỐ TT</b>	<b>Tên cầu</b>	<b>Tuyến đường</b>	<b>Chiều dài (m)</b>	<b>Số lần thực hiện (lần)</b>	<b>Khối lượng (m)</b>	<b>Ghi chú</b>
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]=[4]*[5]	[7]
1	Cầu Long Bình 1	Hùng Vương	60,00	12	720,00	
2	Cầu Long Bình 2	Nguyễn Đăng	120,00	12	1.440,00	
3	Cầu Long Bình 3	Hương lộ 10	60,00	12	720,00	
<b>Cộng</b>					<b>2.880,0</b>	
<b>KHỐI LƯỢNG TÍNH THEO (Km)</b>					<b>2,880</b>	
<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN (Km)/ năm</b>					<b>64,152</b>	

**BẢNG 8. TUA VÍA, DỌN PHÉ THÁI GÓC CÂY, CỘT ĐIỆN, MIỆNG CỐNG**

SỐ TT	TUYẾN ĐƯỜNG THỰC HIỆN			Chiều dài (m)	Nút giao		Chiều dài còn lại (m)	Số lần thực hiện (lần)	Khối lượng (m)	Ghi chú
	Tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối		Lòng đường	Điểm giao				
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	$[8]=[5]-[7]*[6]$	[9]	$[10]=[8]*[9]$	[11]
1	Nguyễn Thiện Thành	Cầu Long Bình 2	Trần Văn Giàu	415,0	6,0	2	403,0	12	4.836,0	
		Trần Văn Giàu	Giáp ranh xã Hưng Mỹ	475,0	6,0	1	469,0	12	5.628,0	
2	Trần Văn Giàu (D5)	Nguyễn Thiện Thành	Hùng Vương	1.400,0	8,0	3	1.376,0	12	16.512,0	
3	ĐH 10	QL 53	Chợ Hòa Thuận	120	8,0	1	112,0	12	1.344,0	
4	Quốc lộ 53 (Hùng Vương nd)	Giáp ranh phường Trà Vinh	ĐH 10	1.000	8,0	5	960,0	12	11.520,0	
<b>Cộng</b>									<b>39.840,0</b>	
<b>KHỐI LƯỢNG TÍNH THEO (Km)/ năm</b>									<b>39,840</b>	

**BẢNG 9. VỆ SINH THÙNG CHỨA RÁC****Bảng thống kê chi tiết bố trí thùng rác**

Số TT	Vị trí đặt thùng	Tổng số (thùng)	Phân loại				Ghi chú
			Thùng TRCC sử dụng linh động		Thùng TRCC đặt vị trí cố định		
			Thùng cam 240L	Thùng đôi, 660L	Thùng cam 240L	Thùng đôi 660L	
1	Phường 5	50	20	5	20	5	
2	Hòa Thuận	50	25	5	20	0	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>100</b>	<b>45</b>	<b>10</b>	<b>40</b>	<b>5</b>	
Số lần thực hiện trong năm (lần)		52	(tần suất 01 lần/tuần)				
<b>KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN TÍNH THEO (100 thùng)/ năm</b>		<b>52,000</b>					

**Bảng 10. THU GOM, VẬN CHUYỂN PHÉ THẢI XÂY DỰNG**

Công tác thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng tại các điểm tập kết bằng xe tải về bãi đổ (Đơn vị tính: Tấn)												
Số TT	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
Khối lượng tháng	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5	2,5
<b>Tổng Khối lượng năm</b>	<b>30</b>											

**BẢNG 11. VỚT RÁC TRÊN SÔNG**

SỐ TT	TUYẾN SÔNG THỰC HIỆN			Chiều dài (m)	Chiều rộng vớt mỗi bên (m)			Diện tích (m <sup>2</sup> )	Số lần thực hiện (lần)	Khối lượng (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
	Tuyến sông	Điểm đầu	Điểm cuối		[6]	[7]	[8] = [6]+[7]				
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8] = [6]+[7]	[9]=[5]*[8]	[10]	[11]=[9]*[10]	[12]
<b>1</b>	<b>Sông Long Bình</b>										P5
		Cầu Long Bình 2	kênh Điệp Thạch	630	0,0	15,0	15,0	9.450,0	12	113.400,0	
		Cầu Long Bình 1	Cầu Long Bình 2	1400	0,0	15,0	15,0	21.000,0	12	252.000,0	
		Cầu Long Bình 1	Cầu Long Bình 3	3900	0,0	15,0	15,0	58.500,0	12	702.000,0	
<b>2</b>	<b>Kênh Kỳ La</b>										Hòa Thuận
		Hùng Vương nd	Khu dân cư	285	2,5	2,5	5,0	1.425,0	12	17.100,0	
<b>3</b>	<b>Kênh Đa Cản</b>										Hòa Thuận
		Hùng Vương nd	Cầu giao thông	750	7,5	7,5	15,0	11.250,0	12	135.000,0	
<b>Cộng</b>										<b>1.219.500,0</b>	
<b>KHỐI LƯỢNG TÍNH THEO (10.000m<sup>2</sup>)/ năm</b>										<b>121,950</b>	

**BẢNG 12. DUY TRÌ VỆ SINH NGÕ XÓM**

SỐ TT	ĐỊA BÀN	Chiều dài (m)		Số lần thực hiện (lần)	Khối lượng (m)		Ghi chú
		Rộng <1,5m	Rộng >1,5m		Rộng <1,5m	Rộng >1,5m	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]= [3]*[5]	[7]= [4]*[5]	[8]
1	Phường 5 cũ		16.517,00	365	-	6.028.705,0	Bảng 12.1
2	Hòa Thuận cũ		17.258,00	365	-	6.299.170,0	Bảng 12.2
<b>TỔNG CỘNG</b>					-	<b>12.327.875,0</b>	
<b>KHỐI LƯỢNG TÍNH THEO (km)/ năm</b>					-	<b>12.327,875</b>	

**BẢNG 12.1. DUY TRÌ VỆ SINH NGÕ XÓM PHƯỜNG 5 CŨ**

<b>SỐ TT</b>	<b>Tên đường</b>	<b>Tên hẻm</b>		<b>Chiều rộng (m)</b>	<b>Chiều dài (m)</b>	
1	Dương Quang Đông (Lò Hột Khóm 1)	5		2,00	50,00	
2		37		3,00	60,00	
3		57		3,50	290,00	
4		63		3,50	290,00	
5		71		4,00	300,00	
6		77		2,00	90,00	
7		81		2,00	350,00	
8		93		2,00	443,00	
9		109		2,00	95,00	
10		143		2,00	40,00	
11		151		2,00	70,00	
12		Dương Quang Danh	hẻm 183 đến hẻm 71		6,00	841,00
13		Nhánh 183	ngay biển báo		4,00	250,00
14		Nhánh 183	số nhà 185B		4,00	240,00
15		Nhánh 183	số nhà 190		4,00	257,00
16		205			2,00	30,00
17		187			2,00	20,00
18		229			2,00	100,00
19		233			2,00	290,00
20		239			3,00	60,00
21		kể nhà số 186-237			5,00	350,00
22		211			2,00	70,00
23		183 (đường vào nhà Công vụ)			5,00	80,00

24		165		2,00	120,00
25		37		2,50	50,00
26		đường phân lô	bà Phương	2,50	330,00
27		23		2,00	50,00
28		87		2,00	55,00
29		133		2,00	60,00
30		161		2,00	50,00
31		219		2,00	40,00
32		279		2,00	150,00
33		291		2,00	60,00
34		301		2,00	45,00
35		313		2,00	245,00
36		327		2,00	40,00
37		331		2,00	280,00
38		349		2,00	40,00
39		373		2,00	280,00
40		399		2,50	280,00
41		409		2,00	26,00
42		417		4,00	280,00
43	Dương Quang Đông (Kho Dầu)	433		4,00	280,00
44		437		2,00	50,00
45		473		2,00	74,00
46		485		2,00	330,00
47		497		2,00	60,00
48		523		2,00	180,00
49		553		2,00	140,00
50		587		4,00	70,00
51		609		3,50	75,00
52		613		2,00	80,00

53		617		2,00	40,00	
54		627		2,00	50,00	
55		619		2,00	65,00	
56		647		2,00	50,00	
57		655		2,00	60,00	
58		Đường nhánh D5	kế Trường MG Sơn Ca, nay là Cơ quan Hội đặc thù của TP Trà Vinh.	5,00	280,00	
59		kế nhà số 463		4,00	50,00	
60		599		3,50	150,00	
61		627		2,00	150,00	
62		665	kênh Điệp Thạch	4,00	200,00	
63		575		5,00	85,00	
64	Hùng Vương nd	Hẻm số 2, kế Cty Hồng Lục		2,70	190,00	
65		Hẻm số 14, Trường tiểu học Hùng Vương		4,00	60,00	
66		Hoàng Gia		2,00	180,00	
67		Trạm Y tế		2,00	70,00	
68		Châu Kim Văn		2,00	40,00	
69		Phuong Trang		2,00	100,00	
70		Thiên Phúc		2,00	120,00	
71		kế nhà số 131		2,00	100,00	
72		Công ty Hồng Lục	Đường mới sau khu TĐC k2, hướng đi vào từ hẻm kế Cty Hồng Lục		2,70	265,00
73		Nguyễn Thiện Thành	cây xăng Tân Tân		4,00	990,00
74	Hẻm số 01(kế sân bóng)		Kế Sân bóng	4,00	570,00	
75	Hẻm số 02		(nhà ô Cao Văn Sâm)	4,00	345,00	
76	Hẻm số 16		Đối diện cây xăng Tân Tân	5,00	290,00	

77		Đường vào ký túc xá ĐH Trà Vinh	Từ ngã 4 đèn xanh đỏ - Ký túc xá ĐHTV	6,00	200,00
78		Đường vào ký túc xá ĐH Trà Vinh	Hẻm kế bên cà phê 123	2,50	100,00
79	Trần Văn Giàu (Đường D5)	Hẻm 71 vào chùa Long Bình		2,00	340,00
80		1	kế giặt sấy tự động D5; Đối diện cột điện số b7	2,00	220,00
81		2	Hẻm vào nhà trọ Sinh Viên; Đối diện cột điện số b5	4,00	210,00
82		3	Hẻm cặp số nhà 41; đối diện café Phúc Minh và cột đèn số b4	4,00	250,00
83		4	trước đây là đường vào chung cư Việt can, nay là đường BV Thiên Ân mới	5,00	150,00
84		Thạch Nhọn	đầu hẻm là nhà trọ Hồng sang 86	3,00	250,00
85		Hẻm cặp Nhà trọ Ngọc Xuyên	Gần Cơ Động	4,00	150,00
86		Hẻm vào Nhà trọ Tân Đăng Khoa	cặp Nhà số 83, đối diện café Hương Quê	4,00	110,00
87		Hẻm kế nhà số 22A		3,00	70,00
88		Đường nhựa mới	trước chùa Long Bình	5,00	250,00
89		Hẻm cặp nhà trọ Kim Anh	khu phân lô 1- Lý Thị Mỹ Khánh	5,00	100,00
90		Hẻm kế café Phú Quý		3,00	200,00
91		Hẻm cặp Café Nhà Gỗ	khu phân lô 2- Lý Thị Mỹ Khánh	5,00	91,00

92		136	Nguyễn Minh Đức	6,00	100,00
93		146	Nguyễn Minh Đức	6,00	100,00
94		73	Nguyễn Minh Đức	6,00	200,00
95		Hẻm kế nhà trọ Minh Đạt	Khu phân lô của Đinh Thị Liên	5,00	240,00
96		Hẻm kế nhà trọ Đăng Khôi		4,00	100,00
97		Hẻm kế café Thủy Mộc		4,00	100,00
<b>Cộng</b>					<b>16.517,0</b>

**BẢNG 12.2. DUY TRÌ VỆ SINH NGÕ XÓM HÒA THUẬN CŨ**

<b>SỐ TT</b>	<b>Tên đường</b>	<b>Tên hẻm</b>		<b>Chiều rộng (m)</b>	<b>Chiều dài (m)</b>
1	Hẻm số 57 (Phường 5)	Cuối hẻm 57		3,50	804,00
2	Hùng Vương nd (QL 53)	Cạnh nhà 30		4,00	250,00
3		Hẻm số 1 (ấp Đầu Bò)		4,00	350,00
4		Hẻm đối diện chung cư Kỳ La		4,00	450,00
5		Hẻm số 2 (ấp Đầu Bò)	Cuối hẻm	1,50	200,00
6		Hẻm nhánh (hẻm số 2)	Cuối hẻm	1,50	230,00
7		Hẻm Chung cư Kỳ La	Cuối hẻm	4,00	280,00
		Hẻm khu dân cư đồng xanh (không bao gồm xã Hưng Mỹ)	Giáp ranh xã Hưng Mỹ	4,00	1700,00
		Hẻm nhà trọ Đa Càn	Hẻm vào KDC Đồng Xanh	4,00	265,00
		Hẻm cạnh Công ty Duy Thành	Cuối hẻm	4,00	165,00
		Hẻm nhánh (Hẻm Cty Duy Thành)	Cuối hẻm	4,00	200,00
		Hẻm số 4 (ấp Đa Càn)	Cuối hẻm	4,00	100,00
8		Hẻm cạnh Công ty Vương Siêu	Cuối hẻm	2,00	450,00
9		Hẻm (cột điện 28)		1,50	1090,00
10		Hẻm đối diện cây xăng Petrolimex 28		1,50	175,00
11	Đường huyện 10	Hẻm cạnh nhà thuốc Khánh Trình		2,00	430,00

12		Hèm vào Miếu bà Thiên Hậu		2,00	277,00
13				2,00	214,00
14		Hèm cặp chùa Kỳ La		2,00	840,00
15		Hèm vào chùa Giác Quang	Chùa	2,00	178,00
16		Chùa	Hèm Vĩnh Lợi	2,00	280,00
17		Hèm Vĩnh Lợi		2,00	385,00
18		Hèm cặp Tám Phú		1,50	320,00
19		Nhánh (hèm cặp Tám Phú)		1,50	120,00
20		Hèm cách cây xăng Vĩnh Trường 20m		2,00	220,00
21		Hèm đổi điện nhà 157		1,50	160,00
22		Hèm cặp Trạm y tế xã		1,50	100,00
23		Hèm cặp áp Văn hóa Vĩnh Trường		2,00	95,00
24		Hèm (cột điện 27)		1,50	165,00
25		Hèm gần tạp hóa Anh Thái		1,50	190,00
26		Hèm (đổi điện tạp hóa Cô Ba)		2,00	200,00
27	Dương Quang Đông	Hèm 4m	ĐT 915B	4,00	690,00
28		Hèm 2m		2,00	800,00
29	Quốc lộ 53	Hèm cạnh nhà 270	Hèm cột điện 28	2,00	150,00
30		Hèm cạnh nhà 308	Hèm cột điện 28	2,00	170,00
31		Hèm cặp chùa Giữa	Hèm cột điện 28	2,00	170,00
32		Hèm cặp quán cơm ngã 3		1,50	260,00
33		Hèm vào nhà trọ Chang Kibi		1,50	270,00
34		Hèm cặp vựa rom Thái		2,50	80,00
35		Hèm đổi điện vựa rom Thái		4,00	500,00

36	Đường vào NMXLNT	Hẻm cạnh tạp hóa Tòng Phương		2,00	600,00
37	Đường tỉnh 915B	Cống Rạch Kinh (nhánh phải - lối vào Miếu Bà)		4,00	300,00
38		Cống Rạch Kinh (nhánh trái)		4,00	875,00
39		Cống Rạch Kinh (nhánh phải hướng về NMXLNT)		4,00	300,00
40		Cống Rạch Kinh (nhánh trái)		4,00	430,00
41		Đường nhựa cách cống Rạch Kinh 350m		4,00	780,00
<b>Cộng</b>					<b>17.258,0</b>

**BẢNG 13. THU GOM CƠ GIỚI CHẤT THẢI THỰC PHẨM TỪ HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐẾN CƠ SỞ TIẾP NHẬN BẰNG XE Ô TÔ TẢI THÙNG TẢI TRỌNG ≤ 1,5 TẤN, CỰ LY (KM) 20 < L ≤ 25**

<b>Tuyến đường (20 &lt; L ≤ 25)</b>	<b>Tần suất</b>	<b>Khối lượng (tấn/ngày)</b>	<b>Địa điểm tiếp nhận xử lý</b>	<b>Ghi chú</b>
Xuất phát QL 60 - Võ Nguyên Giáp - Nguyễn Đăng - qua Cầu Long Bình II - Quẹo phải Dương Quang Đông nối dài - đường K3, K4. lấy tới Cầu - Dương Quang Đông nối dài - Cầu Long Bình II - Nguyễn Đăng - Võ Nguyên Giáp - QL 60 - Bãi rác.	01 lần/ngày	7,48	Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt Trà Vinh (Công ty TNHH Kỹ thuật công nghiệp năng lượng môi trường Việt Nam quản lý vận hành)	Ưu tiên thực hiện ca ngày
Xuất phát QL60 - Võ Nguyên Giáp - Nguyễn Đăng - Nguyễn Thiện Thành (trường Đại Học) – Trần Văn Giàu – Hùng Vương – Võ Nguyên Giáp – Bãi rác.	01 lần/ngày	5,35		Ưu tiên thực hiện ca đêm
Xuất phát QL60 – Võ Nguyên Giáp – Nguyễn Đăng – Nguyễn Thiện Thành – QL53 – Hương lộ 10 – Dương Quang Đông (K1,2) lấy tới cầu – Dương Quang Đông (K3,4) – Nguyễn Thiện Thành – Nguyễn Đăng – QL60 – Bãi rác.	01 lần/ngày	8,55		Ưu tiên thực hiện ca ngày
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>21,385</b>		

**BẢNG 14. VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI THỰC PHẨM TỪ ĐIỂM TẬP KẾT ĐẾN CƠ SỞ TIẾP NHẬN BẰNG XE CUỐN ÉP TẢI TRỌNG ≤ 5 TẤN**

<b>Tuyến đường (20 &lt; L ≤ 25)</b>	<b>Tần suất</b>	<b>Khối lượng (tấn/ngày)</b>	<b>Địa điểm tiếp nhận xử lý</b>	<b>Ghi chú</b>
Hương lộ 10	01 lần/ngày	2,760	Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt Trà Vinh (Công ty TNHH Kỹ thuật công nghiệp năng lượng môi trường Việt Nam quản lý vận hành)	Ưu tiên thực hiện ca ngày
Đường vào Nhà máy xử lý nước thải	01 lần/ngày	1,380		Ưu tiên thực hiện ca đêm
Đường tỉnh 915B (tới giáp ranh xã Hưng Mỹ)	01 lần/ngày	0,690		Ưu tiên thực hiện ca ngày
Đường Dương Quang Đông	01 lần/ngày	2,070		Ưu tiên thực hiện ca ngày
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>6,900</b>		

## **1.2.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường trong thu gom, vận chuyển CTRSH**

### **1. Yêu cầu chung**

a) Đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn lao động, an toàn giao thông theo quy định;

b) Ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất, chất thải, cháy nổ và các sự cố khác theo quy định;

c) Khuyến khích đầu tư, đổi mới các mô hình, công nghệ, giải pháp kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, thân thiện môi trường; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin;

d) Chấp hành đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác theo quy định.

e) Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân (quần áo, giày (ủng cao su), khẩu trang, găng tay, áo phản quang, nón bảo hộ lao động,...); các phương tiện thực hiện vào ban đêm phải trang bị đèn cảnh báo, thiết bị phản quang.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường trong thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

a) Đảm bảo tiếp nhận, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo đúng chủng loại, lịch trình được phân công;

b) Đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt tại vị trí thu gom theo quy định;

c) Không tiếp nhận, vận chuyển chất thải vượt quá tải trọng hoặc thể tích chứa của phương tiện. Che phủ kín đối với phương tiện trong trường hợp không có nắp đậy khi di chuyển;

d) Kịp thời khắc phục sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại và thông báo cho người có thẩm quyền theo quy định.

## **1.2.3. Quy trình kỹ thuật thực hiện và thành phần công việc**

### **1./ Công tác thu gom thủ công đồng thời CTRSH từ hộ gia đình, cá nhân tại đường, phố đến điểm tập kết**

#### **A./ Công tác chuẩn bị**

- Bố trí người lao động thu gom thủ công chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân đến điểm tập kết;

- Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động (quần, áo, giày, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang,...), thiết bị báo hiệu, chổi, xẻng và các dụng cụ lao động cần thiết khác;

- Kiểm tra phương tiện thu gom thủ công và các thiết bị cần thiết khác đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

#### **B./ Thu gom thủ công chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân**

- Di chuyển phương tiện thu gom từ điểm tập kết hoặc điểm lưu giữ phương tiện đến vị trí thu gom theo lịch trình được phân công, dùng phương tiện, báo hiệu thời điểm thu gom chất thải rắn sinh hoạt tới các hộ gia đình, cá nhân;

- Hỗ trợ, hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân bỏ chất thải rắn sinh hoạt vào đúng vị trí trên phương tiện thu gom; có thể từ chối tiếp nhận chất thải không phân loại, không sử dụng bao bì, thùng chứa theo quy định của chính quyền địa phương hoặc

giao chất thải không đúng chủng loại theo lịch trình đã công bố; vệ sinh vị trí thu gom trước khi di chuyển đến vị trí thu gom tiếp theo;

- Thu gom chất thải rắn sinh hoạt cho đến khi đạt tải trọng hoặc thể tích lưu chứa tối đa của phương tiện thu gom; di chuyển về điểm tập kết; hỗ trợ chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ phương tiện thu gom lên phương tiện vận chuyển; che phủ phương tiện thu gom trong quá trình chờ chuyển chất thải rắn sinh hoạt lên phương tiện vận chuyển;

- Tiếp tục thu gom chất thải rắn sinh hoạt theo quy trình kỹ thuật tại khoản này cho đến hết ca làm việc.

#### C./ Kết thúc ca làm việc

- Di chuyển phương tiện thu gom, dụng cụ lao động về điểm tập kết hoặc điểm lưu giữ phương tiện;

- Kiểm tra, vệ sinh, tập kết phương tiện thu gom, dụng cụ lao động vào vị trí quy định và bàn giao cho ca làm việc tiếp theo;

- Tổng hợp số chuyển thu gom chất thải rắn sinh hoạt trong ca làm việc; các hộ gia đình, cá nhân không phân loại, bỏ chất thải vào bao bì, thùng chứa đúng quy định, giao chất thải rắn sinh hoạt không đúng chủng loại theo lịch trình đã công bố; kịp thời phản ánh đến người có thẩm quyền trong đơn vị công tác để có biện pháp xử lý, quản lý theo quy định.

D./ Triển khai phương án thực hiện: Thực hiện theo khối lượng đính kèm tại Phụ lục của Phương án.

## **2./ Công tác quét, gom rác trên đường phố và vỉa hè bằng thủ công, đô thị loại II**

### A./ Thành phần công việc

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động;
- Di chuyển công cụ thu chứa đến nơi làm việc;
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp;
- Quét rác trên đường phố, vỉa hè, gom thành từng đống nhỏ;
- Quét nước ứ đọng trên đường (nếu có);
- Thu gom rác đống trên đường phố;
- Hốt xúc rác, cát bụi vào công cụ thu chứa;
- Di chuyển công cụ thu chứa về điểm tập kết rác để chuyển sang xe chuyên dùng;
- Dọn sạch rác tại các điểm tập kết sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng;
- Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định.

### B./ Ghi chú

- Thời gian làm việc từ 18 giờ hôm trước và kết thúc 6 giờ sáng hôm sau;
- Khối lượng diện tích quét, gom rác trên vỉa hè (đối với quét hè) và tối đa 2m lòng đường mỗi bên đường kể từ mép ngoài của rãnh thoát nước (đối với quét đường).

D./ Triển khai phương án thực hiện: Thực hiện theo khối lượng đính kèm tại Phụ lục của Phương án.

### **3./ Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công, đô thị loại II**

#### Thành phần công việc

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động;
- Di chuyển công cụ thu chứa đến nơi làm việc;
- Đặt biển báo cảnh giới an toàn giao thông;
- Dùng chổi quét sạch đường sát dải phân cách có chiều rộng là 1,5m;
- Vun gọn thành đống, xúc lên xe gom. Đối với dải phân cách mềm: luôn chổi qua kẽ các thanh chắn quét sạch cả phần đường đặt dải phân cách;
- Đẩy công cụ thu rác về điểm tập kết rác để chuyển sang xe chuyên dùng;
- Dọn sạch rác tại các điểm tập kết rác sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng;
- Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định.

Triển khai phương án thực hiện: Thực hiện theo khối lượng đính kèm tại Phụ lục của Phương án.

### **4./ Công tác vét cát cầu, vỉa hè, lề đường bằng thủ công**

#### Thành phần công việc

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động;
- Di chuyển công cụ thu chứa đến nơi làm việc;
- Đặt biển báo cảnh giới an toàn giao thông;
- Dùng chổi quét sạch cát lề đường, taluy đường, vỉa hè cầu giao thông có chiều rộng là 1,5m;
- Vun gọn thành đống, xúc lên xe gom;
- Đẩy công cụ thu rác về điểm tập kết rác để chuyển sang xe chuyên dùng;
- Dọn sạch rác tại các điểm tập kết rác sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng;
- Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định.

Triển khai phương án thực hiện: Thực hiện theo khối lượng đính kèm tại Phụ lục của Phương án.

### **5./ Công tác tua vỉa hè, thu dọn phế thải ở gốc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch, đô thị loại II**

#### Thành phần công việc

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động;
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp;
- Dùng xẻng, chổi tua sạch thành vỉa và vỉa. Dùng chổi gom rác ở miệng hầm ếch và dùng xẻng gom, xúc rác ở miệng hầm ếch;
- Dọn sạch rác, phế thải ở gốc cây, cột điện (khối lượng phế thải < 0,5 m<sup>3</sup>) (nếu có); bấm nhỏ cỏ xung quanh (nếu có); phát cây 2 bên vỉa hè (nếu có), xúc rác lên phương tiện chứa;
- Di chuyển công cụ thu rác về điểm tập kết để chuyển rác sang xe chuyên dùng;
- Tuyên truyền, vận động nhân dân giữ gìn vệ sinh;
- Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định.

Triển khai phương án thực hiện: Thực hiện theo khối lượng đính kèm tại Phụ lục của Phương án.

## **6./ Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm chiều rộng >=1,5m, đô thị loại II**

### Thành phần công việc

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động;
- Di chuyển công cụ thu chứa dọc ngõ và thu rác nhà dân;
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp;
- Thu nhặt các túi rác hai bên ngõ, đứng đợi người dân bỏ túi rác lên xe gom;
- Dùng chổi, xẻng xúc dọn các mô rác dọc ngõ xóm (nếu có) lên công cụ thu chứa và di chuyển về vị trí tập kết quy định;
- Đối với những ngõ rộng, có vỉa hè, rãnh thoát nước, dùng chổi, xẻng tua vỉa, rãnh và xúc lên công cụ thu chứa; dùng chổi quét, gom rác trên hè, trên ngõ;
- Di chuyển công cụ thu rác về điểm tập kết để chuyển rác sang xe chuyên dùng;
- Tuyên truyền, vận động nhân dân giữ gìn vệ sinh;
- Vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định.

Triển khai phương án thực hiện: Thực hiện theo khối lượng đính kèm tại Phụ lục của Phương án.

## **7./ Công tác vệ sinh thùng thu gom rác sinh hoạt**

### Thành phần công việc

Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động;  
 Di chuyển phương tiện đến địa điểm đặt thùng;  
 Xếp thùng ngay ngắn, đúng vị trí đặt thùng;  
 Dùng giẻ lau, bàn chải cước, xà phòng cọ rửa thùng;  
 Lau kho bên ngoài thùng, xịt thuốc khử mùi bên trong thùng;  
 Tiếp tục công việc cho đến hết ca làm việc;  
 Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

Triển khai phương án thực hiện: Thực hiện theo khối lượng đính kèm tại Phụ lục của Phương án.

**8./ Công tác thu gom, vận chuyển phế thải xây dựng tại các điểm tập kết bằng xe tải về bãi đổ, cự ly  $L \leq 10$ km, trọng tải xe 2T**

Thành phần công việc

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động;
- Di chuyển phương tiện đến địa điểm thu gom phế thải xây dựng;
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp;
- Xúc phế thải xây dựng lên thùng xe;
- Thu gom, quét dọn rác rơi vãi lên xe;
- Điều khiển xe đến địa điểm thu gom kế tiếp, tác nghiệp đến lúc đầy xe;
- San, cào phế thải xây dựng, phủ bạt, buộc dây;
- Điều khiển xe về bãi đổ;
- Cho xe vào cân xác định tổng trọng tải xe, điều khiển xe lên đờ vào ô chôn lấp, vận hành hệ thống chuyên dùng để đổ rác theo đúng quy định trong bãi;
- Điều khiển xe qua hệ thống rửa xe để đảm bảo vệ sinh xe trước khi ra khỏi bãi ( nếu có tùy thuộc vào quy định tại bãi đổ), điều khiển xe qua cân để xác định tải trọng xe (xác định khối lượng rác vận chuyển);
- Di chuyển xe về bãi tập kết;
- Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

Triển khai phương án thực hiện: Căn cứ vào kế hoạch thực hiện được phê duyệt, nhà thầu bố trí phương tiện và nhân công tiến hành thu gom khối lượng theo yêu cầu và vận chuyển về khu vực được chủ đầu tư chỉ định theo đúng quy định hiện hành.

**9./ Công tác thu gom cơ giới chất thải thực phẩm từ hộ gia đình, cá nhân đến cơ sở tiếp nhận bằng xe tải thùng tải trọng  $\leq 1,5$  tấn**

Bố trí phương tiện thu gom có tải trọng  $\leq 1,5$ tấn di chuyển và thu gom rác từ các hộ dân, điểm tập kết rác tại các điểm quy định. Đảm bảo thu gom toàn bộ lượng CTRSH phát sinh trên các tuyến đường thuộc các Khóm 1 đến Khóm 4, các khóm Kỳ La, Xuân Thạnh, Đầu Bờ, Bích Trì, Đa Càn sau đó di chuyển đến Nhà máy để xử lý trong phạm vi từ 20km ~ 25km.

A./ Công tác chuẩn bị

- Bố trí người lao động thu gom cơ giới chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân; người lao động điều khiển phương tiện thu gom cơ giới;
- Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động (quần, áo, giày, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang,...), thiết bị báo hiệu, biển cảnh báo, chòi, xẻng và các dụng cụ lao động cần thiết khác;
- Kiểm tra phương tiện thu gom cơ giới (xe cuốn ép, xe ô tô tải, xe ô tô tải thùng rời hoặc phương tiện khác) đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, an toàn giao thông vận tải và bảo vệ môi trường theo quy định.

B./ Thu gom cơ giới chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân

- Di chuyển phương tiện thu gom từ điểm lưu giữ phương tiện đến vị trí thu gom theo lịch trình được phân công; dừng phương tiện, phát tín hiệu dừng đỗ; đặt biển cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông; báo hiệu thời điểm thu gom chất thải rắn sinh hoạt tới các hộ gia đình, cá nhân;

- Hỗ trợ, hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân bỏ chất thải rắn sinh hoạt vào đúng vị trí trên phương tiện thu gom; có thể từ chối tiếp nhận chất thải không phân loại, không sử dụng bao bì, thùng chứa theo quy định của chính quyền địa phương hoặc giao chất thải không đúng chủng loại theo lịch trình đã công bố; vệ sinh vị trí thu gom, thu biển cảnh báo, phát tín hiệu di chuyển trước khi di chuyển đến vị trí thu gom tiếp theo;

- Thu gom chất thải cho đến khi đạt tải trọng của phương tiện thu gom cơ giới. Di chuyển đến cơ sở tiếp nhận theo lịch trình được phân công, phù hợp với kế hoạch tiếp nhận chất thải của cơ sở tiếp nhận;

- Di chuyển phương tiện thu gom qua trạm cân khi vào và ra khỏi cơ sở tiếp nhận để xác định khối lượng chất thải rắn sinh hoạt; xuất trình lệnh vận chuyển; nhận phiếu cân giao nhận chất thải; chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt và nước rỉ rác (nếu có) theo quy định; qua trạm rửa xe để đảm bảo vệ sinh môi trường trước khi ra khỏi cơ sở tiếp nhận;

- Tiếp tục thu gom chất thải rắn sinh hoạt theo quy trình kỹ thuật tại khoản này cho đến hết ca làm việc.

C./ Kết thúc ca làm việc

- Di chuyển phương tiện thu gom về điểm lưu giữ phương tiện;

- Kiểm tra, vệ sinh, tập kết phương tiện thu gom, dụng cụ lao động vào vị trí quy định và bàn giao cho ca làm việc tiếp theo;

- Nộp phiếu cân giao nhận chất thải cho người có thẩm quyền;

- Tổng hợp số chuyến, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt thu gom và chuyển giao cho cơ sở tiếp nhận trong ca làm việc; thông tin hộ gia đình, cá nhân không phân.

D./ Triển khai phương án tuyến thực hiện

*Bảng 3: Danh mục các tuyến đường triển khai thực hiện*

<b>Tuyến đường (20 &lt; L ≤ 25)</b>	<b>Tần suất</b>	<b>Địa điểm tiếp nhận xử lý</b>	<b>Ghi chú</b>
Xuất phát QL 60 - Võ Nguyên Giáp - Nguyễn Đăng - qua Cầu Long Bình II - Quẹo phải Dương Quang Đông nối dài - đường K3, K4. lấy tới Cầu - Dương Quang Đông nối dài - Cầu Long Bình II - Nguyễn Đăng - Võ Nguyên Giáp - QL 60 - Bãi rác.	01 lần/ngày	Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt Trà Vinh (Công ty TNHH Kỹ	Ưu tiên thực hiện ca ngày

Tuyến đường ( $20 < L \leq 25$ )	Tần suất	Địa điểm tiếp nhận xử lý	Ghi chú
Xuất phát QL60 - Võ Nguyên Giáp - Nguyễn Đăng - Nguyễn Thiện Thành (trường Đại Học) – Trần Văn Giàu – Hùng Vương – Võ Nguyên Giáp – Bãi rác.	01 lần/ngày	thuật công nghiệp năng lượng môi trường Việt Nam quản lý vận hành)	Ưu tiên thực hiện ca đêm

CTRSH sau khi được thu gom sẽ được vận chuyển tập kết về Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tỉnh Trà Vinh (do Công ty TNHH Kỹ thuật công nghiệp năng lượng môi trường Việt Nam quản lý vận hành).

**10./ Vận chuyển chất thải thực phẩm từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bằng xe cuốn ép tải trọng  $\leq 5$  tấn**

Xe thu gom di chuyển theo các tuyến đường phát sinh mới thuộc các khóm Vĩnh Lợi, Vĩnh Trường, Vĩnh Bảo, Rạch. Các tuyến đường vận chuyển CTRSH trên địa bàn phường Hòa Thuận sẽ bao gồm các tuyến đường mới phát sinh ĐT915B, Hương lộ 10, Quốc lộ 53 (thu gom từ các xe đẩy tay tập kết) + quãng đường di chuyển đến Nhà máy để xử lý trong phạm vi từ 20km ~ 25km.

**A./ Công tác chuẩn bị**

- Bố trí người lao động chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển; người lao động điều khiển phương tiện vận chuyển;
- Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động (quần, áo, giày, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang,...), biển cảnh báo, chòi, xeng và các dụng cụ lao động cần thiết khác;
- Kiểm tra phương tiện vận chuyển (xe cuốn ép, xe ô tô tải, xe ô tô tải thùng rời hoặc phương tiện vận chuyển khác) đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, an toàn giao thông vận tải và bảo vệ môi trường theo quy định.

**B./ Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận**

- Di chuyển phương tiện vận chuyển từ điểm lưu giữ phương tiện đến điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt theo lịch trình được phân công; dừng phương tiện, phát tín hiệu dừng đỗ; đặt biển cảnh báo đảm bảo an toàn giao thông;
- Chuyển chất thải từ điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển; trường hợp sử dụng xe ô tô tải thùng rời, thực hiện chuyển thùng chứa rỗng xuống điểm tập kết và tiếp nhận thùng chứa chất thải lên phương tiện vận chuyển. Thu gom chất thải rắn sinh hoạt rơi vãi tại điểm tập kết; phun chế phẩm khử mùi lên bề mặt chất thải trong trường hợp cần thiết trước khi di chuyển đến điểm tập kết tiếp theo. Thu gom theo lịch trình phân công đến khi đạt tải trọng của phương tiện vận chuyển;
- Di chuyển phương tiện vận chuyển đến cơ sở tiếp nhận theo lịch trình, phù hợp với kế hoạch tiếp nhận chất thải của cơ sở tiếp nhận; qua trạm cân khi vào và ra khỏi cơ sở tiếp nhận để xác định khối lượng chất thải rắn sinh hoạt; xuất trình lệnh vận chuyển; nhận phiếu cân giao nhận chất thải; chuyển giao chất thải và nước rỉ rác (nếu có) vào đúng vị trí theo hướng dẫn của nhân viên cơ sở tiếp nhận; qua trạm rửa xe để đảm bảo vệ sinh môi trường trước khi ra khỏi cơ sở tiếp nhận;

- Tiếp tục di chuyển phương tiện vận chuyển theo quy trình kỹ thuật tại khoản này cho đến hết ca làm việc.

C. Kết thúc ca làm việc

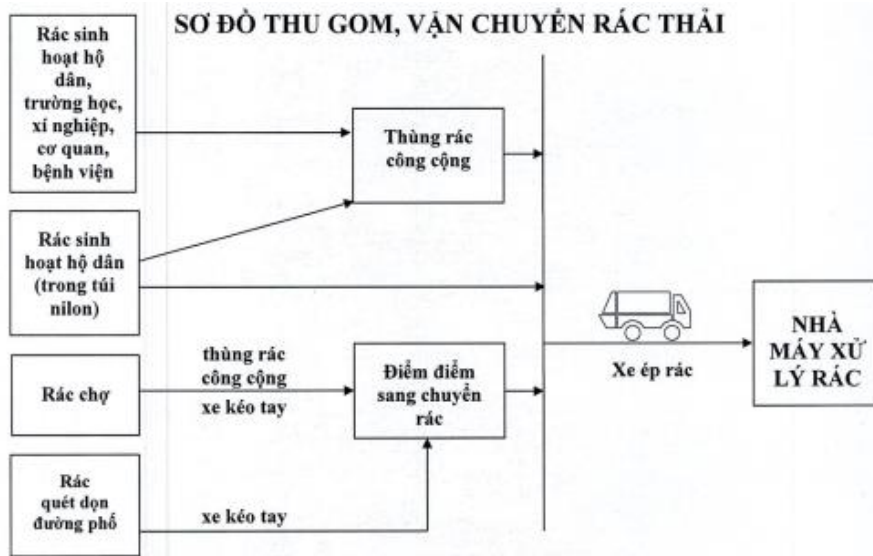
- Di chuyển phương tiện vận chuyển về điểm lưu giữ phương tiện;
- Kiểm tra, vệ sinh, tập kết phương tiện vận chuyển, dụng cụ lao động vào vị trí quy định và bàn giao cho ca làm việc tiếp theo;
- Nộp phiếu cân giao nhận chất thải cho người có thẩm quyền trong đơn vị công tác;
- Tổng hợp số chuyến, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt vận chuyển và chuyển giao trong ca làm việc; các điểm tập kết, trạm trung chuyển vận hành không đúng quy định về bảo vệ môi trường; kịp thời phản ánh đến người có thẩm quyền trong đơn vị công tác để có biện pháp xử lý, quản lý theo quy định.

D./ Triển khai phương án thực hiện

*Bảng 4: Danh mục các tuyến đường triển khai thực hiện*

<b>Tuyến đường (20 &lt; L ≤ 25)</b>	<b>Tần suất</b>	<b>Địa điểm tiếp nhận xử lý</b>	<b>Ghi chú</b>
Hương lộ 10	01 lần/ngày	Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt Trà Vinh (Công ty TNHH Kỹ thuật công nghiệp năng lượng môi trường Việt Nam quản lý vận hành)	Ưu tiên thực hiện ca ngày
Đường vào Nhà máy xử lý nước thải	01 lần/ngày		Ưu tiên thực hiện ca ngày
Đường tỉnh 915B (tới giáp ranh xã Hưng Mỹ)	01 lần/ngày		Ưu tiên thực hiện ca ngày
Đường Dương Quang Đông	01 lần/ngày		Ưu tiên thực hiện ca ngày

## SƠ ĐỒ TUYẾN VẬN DI CHUYỂN CỦA XE ÉP RÁC



Hình 2: Sơ đồ tuyến thực hiện của xe ép rác

### Thuyết minh sơ đồ

- Xe thu gom (xe ép rác) từ bãi đỗ di chuyển theo các tuyến đường trục chính để thu gom từ các thùng chứa rác đặt dọc các tuyến đường và xe đẩy tay của đơn vị thu gom.
- Sau khi kết thúc chu trình thu gom (xe đẩy) sẽ di chuyển về khu vực nhà máy xử lý rác để bàn giao.
- Xe thu gom (xe ép rác) sẽ thực hiện lại chu trình thu gom mới.

*Ghi chú: Trong quá trình triển khai thực hiện, đơn vị trúng thầu phải lập bảng kế hoạch thực hiện chi tiết và trình chủ đầu tư phê duyệt trước khi thực hiện. Kế hoạch cần trình bày đầy đủ các nội dung sau:*

- + Phương tiện thu gom (Biển số, tài xế);
- + Thời gian hoạt động (Ca sáng/trưa/chiều/tối);
- + Lộ trình chi tiết thu gom.

### **11./ Công tác vớt rác trên mặt kênh, mương bằng cơ giới**

*Thành phần công việc*

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và bảo hộ lao động;
- Di chuyển phương tiện đến địa điểm vớt rác;
- Công nhân dùng vợt lưới đứng trên cầu phao vớt rác, dùng sào đẩy rác ra tầm thu của cánh thu rác;
- Gấp túi khi rác đầy, tra móc, điều chỉnh lưới rác lên tàu, công việc được tiếp diễn;
- Khi túi lên tàu được đưa đến vị trí tiếp nhận, thực hiện các thao tác đưa rác vào phương tiện chứa;
- Làm sạch túi lưới, các thao tác được tiếp diễn đến hết ca làm việc;
- Hết ca đưa phương tiện về bến đậu, vệ sinh và giao phương tiện cho người trực.

Triển khai phương án thực hiện: Căn cứ vào kế hoạch thực hiện được phê duyệt, nhà thầu bố trí phương tiện và nhân công tiến hành thu gom khối lượng theo yêu cầu và vận chuyển về khu vực được chủ đầu tư chỉ định theo đúng quy định hiện hành.

### 1.3. Thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển

*Đối tượng thu, nộp và mức thu:*

- Thu giá dịch vụ: Là khoản thu nhằm bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí đầu tư cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải trên địa bàn.
- Đối tượng nộp: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được đơn vị thu gom, vận chuyển thải sinh hoạt phục vụ.
- Mức thu, áp dụng cho từng đối tượng theo Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

*Bảng 6: Tổng hợp số lượng các đối tượng thu giá dịch vụ trên địa bàn phường Hòa Thuận*

STT	Đối tượng thu	Số lượng đối tượng thu giá
<b>I</b>	<b>Hộ gia đình</b>	
	Hộ gia đình ≤ 4 người	2.418
	Hộ gia đình > 4 người	184
<b>II</b>	<b>Tổ chức /cơ sở dịch vụ</b>	
<b>1</b>	<b>Dịch vụ lưu trú và ăn uống</b>	
<b>1.1</b>	<b>Nhà trọ</b>	
	Từ 1- 10 phòng	112
	Từ 11 – 20 phòng	20
	Từ 21 phòng trở lên	14

<b>STT</b>	<b>Đối tượng thu</b>	<b>Số lượng đối tượng thu giá</b>
<b>1.2</b>	<b>Khách sạn; nhà nghỉ không có dịch vụ ăn uống</b>	
	Từ 1- 10 phòng	4
	Từ 11 – 20 phòng	1
	Từ 21 phòng trở lên	6
<b>1.3</b>	<b>Khách sạn; nhà nghỉ có dịch vụ ăn uống</b>	
	Từ 1- 10 phòng	-
	Từ 11 – 20 phòng	-
	Từ 21 phòng trở lên	5
<b>1.4</b>	<b>Dịch vụ ăn uống</b>	
	Diện tích $\leq 15m^2$	9
	Diện tích $15m^2 - 30m^2$	1
	Diện tích $30m^2 - 50m^2$	6
	Diện tích $> 50m^2$	-
<b>2</b>	<b>Giáo dục và đào tạo</b>	
<b>2.1.</b>	<b>Trường học có hoạt động bán trú</b>	
	Có 100 học sinh trở xuống	-
	Từ 101 học sinh – 300 học sinh	3
	Từ 301 học sinh – 500 học sinh	-
	Từ 501 học sinh – 700 học sinh	-
	Từ 701 học sinh – 1000 học sinh	-
	Từ 1001 học sinh – 1500 học sinh	-
	Từ 1.501 học sinh trở lên	-
<b>2.2.</b>	<b>Trường học không có hoạt động bán trú</b>	
	Có 100 học sinh trở xuống	-
	Từ 101 học sinh – 300 học sinh	-
	Từ 301 học sinh – 500 học sinh	3
	Từ 501 học sinh – 700 học sinh	1
	Từ 701 học sinh – 1000 học sinh	1
	Từ 1001 học sinh – 1500 học sinh	1

STT	Đối tượng thu	Số lượng đối tượng thu giá
	Từ 1.501 học sinh trở lên	1
<b>2.3</b>	<b>Ký túc xá</b>	
	Dưới 10.000 chỗ	1
	Từ 10.000 chỗ trở lên	
<b>3.</b>	<b>Cơ sở y tế</b>	
<b>3.1</b>	<b>Bệnh viện/bệnh viên đa khoa khu vực/Trung tâm y tế</b>	
	Có 50 giường trở xuống	1
	Từ 51 – 100 giường	1
	Từ 101 – 200 giường	-
	Từ 201 – 300 giường	-
	Từ 301 – 400 giường	-
	Từ 401 – 500 giường	-
	Từ 501 giường trở lên	-
<b>3.2</b>	<b>Phòng khám đa khoa</b>	2
<b>3.3</b>	<b>Phòng khám tư nhân</b>	6
<b>3.4</b>	<b>Các trạm y tế cấp xã, phường, thị trấn</b>	2
<b>4</b>	<b>Giao thông, vận tải</b>	
	Bến xe	-
	Bến phà	-
<b>5</b>	<b>Nghệ thuật, vui chơi và giải trí</b>	
	Trung tâm thương mại, siêu thị	-
	Khu du lịch, khu vui chơi giải trí có dịch vụ ăn, uống	-
	Khu du lịch, khu vui chơi giải trí không có dịch vụ ăn, uống	-
	Các loại hình kinh doanh dịch vụ giải trí khác	-
<b>6</b>	<b>Bán buôn và bán lẻ</b>	
<b>6.1</b>	<b>Hộ kinh doanh cá thể<sup>7</sup></b>	
	Diện tích $\leq 5 \text{ m}^2$	818
	Diện tích từ $5\text{m}^2 - 20\text{m}^2$	52

<sup>7</sup> <https://doanhngiep.travinh.gov.vn/thong-tin-ho-kinh-doanh.html>

STT	Đối tượng thu	Số lượng đối tượng thu giá
	Diện tích từ > 20m <sup>2</sup>	2
<b>6.2</b>	<b>Hộ vừa rau, quả</b>	
	Diện tích ≤5 m <sup>2</sup>	-
	Diện tích từ 5m <sup>2</sup> – 20m <sup>2</sup>	-
	Diện tích từ > 20m <sup>2</sup>	-
<b>7.</b>	<b>Doanh nghiệp, công ty<sup>8</sup></b>	
	Có 10 người trở xuống	191
	Từ 11 người – 50 người	7
	Từ 51 người – 200 người	1
	Từ 201 người – 400 người	2
	Từ 401 người – 600 người	-
	Từ 601 người – 800 người	-
	Từ 801 người – 1.000 người	-
	Từ 1.001 người – 2.000 người	-
	Từ 2.001 người – 4.000 người	-
	Từ 4.001 người – 6.000 người	-
	Từ 6.001 người – 8.000 người	-
	Từ 8.001 người – 10.000 người	-
	Từ 10.001 người trở lên	-
<b>8</b>	<b>Cơ quan, đơn vị sự nghiệp</b>	
	Cơ quan, đơn vị sự nghiệp	5

**Tổng giá trị thu giá dịch vụ trên địa bàn phường Hòa Thuận: 2.331.306.000 đồng** (Hai tỷ, ba trăm ba mươi một triệu, ba trăm lẻ sáu ngàn đồng). Giá trị đã bao gồm thuế VAT.

**\* Chú ý:**

- Giá dự thầu của nhà thầu là bao gồm chi phí thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn. Nhà thầu cần lập bảng chào giá chi tiết của gói thầu, trong đó cần đảm bảo nguồn thu giá dịch vụ hàng năm không thấp hơn dự toán đã được duyệt.

<sup>8</sup> <https://doanhnghiep.travinh.gov.vn/thong-tin-doanh-nghiep.html>

- Công tác thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn do Nhà thầu trúng thầu tự chịu trách nhiệm tổ chức thu và đảm bảo thu đúng giá quy định hiện hành.

## **1.4 . Nội dung kiểm tra, giám sát công tác quét, thu gom, vận chuyển**

### **1.4.1. Thời điểm thực hiện giám sát**

#### **a. Kiểm tra, giám sát thường xuyên**

- Đơn vị thực hiện: Đơn vị tư vấn giám sát chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng dịch vụ vệ sinh trên địa bàn các khóm trên địa bàn phường Hòa Thuận.

- Hình thức kiểm tra, giám sát: định kỳ và đột xuất.

- Phương pháp kiểm tra, giám sát:

+ Đơn vị giám sát có trách nhiệm bố trí cán bộ, nhân viên thực hiện giám sát định kỳ liên tục hàng ngày.

+ Kiểm tra bằng mắt thường, đánh giá chất lượng dựa vào khối lượng thực hiện.

+ Quá trình kiểm tra, giám sát nếu phát hiện có vấn đề không phù hợp với tiến độ và biện pháp, khối lượng và chất lượng dịch vụ thì đơn vị tư vấn giám sát có trách nhiệm mời đại diện nhà thầu dịch vụ đến lập biên bản hiện trường. Biên bản ghi nhận hiện trường phải thể hiện rõ phần nội dung không phù hợp, lý do giải trình của nhà thầu (nếu có). Báo cáo đến chủ đầu tư, cơ quan quản lý để có hướng giải quyết theo đúng quy định.

#### **b. Kiểm tra, giám sát định kỳ**

- Đơn vị thực hiện: Ủy ban nhân dân phường Hòa Thuận (đại diện là Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị), Đơn vị tư vấn giám sát, các cơ quan quản lý và cơ quan chức năng (nếu có)

- Hình thức kiểm tra, giám sát: Kiểm tra có thông báo trước, có sự tham gia của đại diện UBND phường, đại diện nhà thầu. Tần suất: ít nhất một lần/tháng. Kết quả kiểm tra thể hiện bằng biên bản.

- Phương pháp kiểm tra, giám sát:

+ Kiểm tra bằng mắt thường, đánh giá chất lượng dựa vào khối lượng thực hiện..

+ Kiểm tra các số liệu, dữ liệu và khối lượng thực hiện của nhà thầu thực hiện hàng ngày.

+ Quá trình kiểm tra, giám sát nếu phát hiện có vấn đề không phù hợp với tiến độ và biện pháp, khối lượng và chất lượng dịch vụ thì đơn vị tư vấn giám sát có trách nhiệm mời đại diện nhà thầu dịch vụ đến lập biên bản hiện trường. Biên bản ghi nhận hiện trường phải thể hiện rõ phần nội dung không phù hợp, lý do giải trình của nhà thầu (nếu có).

### **1.4.2. Nội dung thực hiện kiểm tra, giám sát**

Đơn vị tư vấn giám sát thực hiện kiểm tra, giám sát theo đúng khối lượng thực hiện và nội dung hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu.

Báo cáo khối lượng công việc định kỳ cho chủ đầu tư để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng thực hiện của nhà thầu.

## **3. Tổ chức thực hiện**

### **3.1. Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị**

- Là cơ quan đầu mối, đôn đốc, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện đảm bảo tiến độ, mục tiêu đề ra; báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình triển khai các nội dung của Phương án. Chủ trì phối hợp với các phòng ban, đơn vị có liên quan, tham mưu cho UBND phường tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Phương án.

- Tham mưu cho UBND phường trong công tác lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng, nghiệm thu khối lượng thực hiện và thanh toán chi phí thực hiện cho đơn vị trúng thầu theo nguồn vốn phân bổ (phần kinh phí ngân sách cấp bù).

- Phối hợp với các Sở, Ban, Ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về BVMT tại các cơ sở thu gom, vận chuyển CTRSH trên địa bàn phường.

- Phối hợp Phòng Văn hóa – Xã hội tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân biết Luật Bảo vệ môi trường nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho nhân dân; vận động, thuyết phục nhân dân đăng ký đồ chất thải rắn, chất thải sinh hoạt đúng nơi quy định, thực hiện ý thức thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào thùng chứa để thuận lợi cho công tác thu gom nhằm phát huy hiệu quả.

- Phối hợp với các đơn vị truyền thông, các tổ chức chính trị xã hội xây dựng kế hoạch phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cộng đồng hình thành thói quen phân loại CTR tại nguồn, lối sống thân thiện với môi trường, góp phần giảm lượng chất thải phát sinh tại nguồn (sử dụng sản phẩm tái sinh, dễ phân hủy, hạn chế sử dụng túi nilon khó phân hủy trong sinh hoạt hàng ngày).

### **3.2. Phòng Văn hóa – Xã hội**

- Chỉ đạo rà soát, cập nhật, lồng ghép nội dung quản lý CTR vào quy chế quản lý các khu di tích, khu du lịch trên địa bàn xã. Phổ biến, tuyên truyền các nội dung về giữ gìn vệ sinh môi trường bằng các hình ảnh trực quan như pa-nô, áp phích/biêu trưng thông điệp giữ gìn vệ sinh môi trường tại các địa điểm du lịch trên địa bàn xã.

- Phổ biến các tin, bài liên quan đến các quy định về quản lý CTR; tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, giáo dục pháp luật về quản lý CTR và bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị tổ chức đăng tải lên Trang thông tin điện tử xã các thông tin về nội dung Phương án và cách thức tổ chức thực hiện trong giai đoạn 2026-2028 đến cộng đồng, các mô hình hay, cách làm hiệu quả về phân loại rác tại nguồn; xây dựng các chuyên mục, tin bài phản ánh các hành vi vi phạm quy định về phân loại, xử lý rác thải.

### **3.3. Trưởng Ban nhân dân khóm**

- Tăng cường công tác tuyên truyền đến người dân, cộng đồng dân cư, các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt nhằm bảo vệ môi trường và bảo vệ sức khỏe cho người dân, cũng như các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với nhà thầu trúng thầu tổ chức bố trí thùng chứa rác hợp lý tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bỏ rác đúng quy định và đơn vị thu gom vận chuyển rác thu gom dễ dàng. Thường xuyên rà soát, đề xuất với đơn vị thầu thực hiện thay thế thùng rác bị hư hỏng, không còn sử dụng được trên các tuyến đường theo phương án đề ra.

- Niêm yết Đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt công khai tại trụ sở Ban nhân dân khóm.

- Niêm yết công khai số điện thoại dây nóng của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan để tiếp thu phản ánh của người dân;

- Tổ chức giám sát quá trình thực hiện của nhà thầu trúng thầu thường xuyên để kịp thời báo cáo đến Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị khi phát hiện nhà thầu thực hiện chưa đúng các nội dung theo Phương án được duyệt.

- Vận động các cá nhân, tổ chức trên địa bàn thực hiện tốt công tác đóng phí thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH.

- Hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân chuyển giao CTRSH cho cơ sở thu gom, vận chuyển hoặc đến điểm tập kết đúng quy định; hướng dẫn cộng đồng dân cư giám sát và công khai trường hợp không tuân thủ quy định về phân loại, thu gom CTRSH.

### **3.4. Đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt (đơn vị trúng thầu)**

- Tổ chức thực hiện công việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt từ các thùng chứa đã bố trí và thùng chứa của người dân, tổ chức đặt trên tuyến đường thu gom; công tác thu gom, vận chuyển phải đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh thùng chứa và quét dọn rác thải sinh hoạt rơi vãi trong quá trình thực hiện công tác thu gom, vận chuyển.

- Tổ chức thực hiện công tác quét dọn, vệ sinh vỉa hè, đường phố, ngõ hẻm; tua vỉa, thu dọn phế thải; vớt cát; quét gom rác chợ, các khu đô thị, khu trung mua sắm,...

- Xây dựng kế hoạch, sắp xếp, bố trí thời gian thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt từ các điểm thu gom hợp lý; không được thu gom, vận chuyển vào giờ cao điểm và phải đảm bảo thường xuyên, liên tục, không để tồn đọng; đề ra quy chế hoạt động cụ thể và lịch trình thực hiện báo cáo về cơ quan quản lý biết để giám sát, kiểm tra.

- Phối hợp với các Trưởng Ban nhân dân khóm để thông báo rộng rãi cho nhân dân trong vùng phục vụ thu gom biết lịch thu gom, vận chuyển để phối hợp thực hiện đạt hiệu quả. Đảm bảo tần suất công việc thu gom, vận chuyển theo phương án này, có thể điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế nhưng phải

đảm bảo thu gom hết rác thải sinh hoạt, không để tồn đọng gây ô nhiễm môi trường.

- Tự tổ chức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc Ủy nhiệm thu đối với các Trưởng Ban nhân dân khóm. Định kỳ báo cáo số thu về Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị và Ủy ban nhân dân Phường Hòa Thuận theo quy định hiện hành.

- Đảm bảo trang bị đúng và đầy đủ các phương tiện, thiết bị theo nội dung được duyệt.

- Ưu tiên sử dụng các loại phương tiện, thiết bị sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường;

- Lập nhật ký thực hiện thu gom, vận chuyển và có xác nhận về khối lượng thực hiện.

**\* Chế độ báo cáo:**

- Báo cáo đến Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị; đơn vị tư vấn giám sát về khối lượng thực hiện (từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng).

- Báo cáo kịp thời các vướng mắc, khó khăn trong công tác vận hành đến Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị xem xét để báo cáo đến cơ quan chức năng xử lý.

**3.5. Đơn vị tư vấn giám sát quét, thu gom, vận chuyển**

- Xây dựng kế hoạch giám sát theo nội dung thực hiện của nhà thầu, báo cáo đến chủ đầu tư định kỳ hoặc đột xuất (nếu có) để làm cơ sở kiểm tra, xử lý khi phát hiện vi phạm và làm cơ sở nghiệm thu khối lượng thực hiện của nhà thầu;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, lập biên bản hiện trường khi phát hiện các vấn đề về môi trường phát sinh, báo cáo đến Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị (Ủy ban nhân dân phường Hòa Thuận) để có hướng xử lý.

**\* Chế độ báo cáo:**

- Báo cáo đến Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị về khối lượng thực hiện của nhà thầu trong tháng, các tồn đọng và khắc phục (nếu có) (từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng).

- Báo cáo kịp thời các vướng mắc, khó khăn trong công tác vận hành đến Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị xem xét để báo cáo đến cơ quan chức năng xử lý.

**4. Giải pháp và phương pháp luận:**

*Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:*

1. Giải pháp và phương pháp luận;

2. Kế hoạch công tác.

**5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:**

*Mục này quy định về quy trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, trình tự giao nộp sản phẩm (nếu có)... để phục vụ công tác thanh, quyết toán hợp đồng.*